

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2024

"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thu Đông

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Thanh Thuỷ và bà Nguyễn Thị Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** bà Lê Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:** bà Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2024/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** bà Đỗ Thị N, sinh năm xxxx; nơi cư trú: tổ B, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** ông Ngô Mạnh H, sinh năm xxxx; nơi cư trú: tổ B, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị N đều trình bày: bà và ông Ngô Mạnh H kết hôn vào năm 1981 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (nhưng bà đã làm mất giấy đăng ký kết hôn), trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau 01 năm. Sau khi kết hôn, ông, bà về sống tại nhà riêng ở tổ B, khu B phường C, thành phố C đến nay. Ông, bà sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng, không thể khắc phục được, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất, dẫn đến thường xuyên cãi vã, xô xát. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên bà đã quyết định ly thân ông H từ năm 2016 đến nay, không tìm cách hàn gắn tình cảm nữa. Mâu thuẫn của ông, bà đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay, bà xác định không còn tình cảm dành cho ông H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa bà và ông H.

Về con chung: bà và ông Ngô Mạnh H có 02 con chung là Ngô Thị Hồng Y, sinh ngày xx/xx/xxxx và Ngô Văn P, sinh ngày xx/x/xxxx (đều đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và vay nợ chung: bà và ông H tự thỏa thuận về tài sản chung; vay nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Ngô Mạnh H nhiều lần nhưng ông H cố tình vắng mặt, do vậy Tòa án không lấy được lời khai của ông H, ông H không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung và không tiến hành hòa giải được vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh tham gia tố tụng tại phiên tòa nêu quan điểm về việc tiến hành tố tụng và nội dung giải quyết vụ án dân sự, khẳng định: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải đúng quy định tại các điều 97, 208, 209, 210, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định; nhưng bị đơn không chấp hành quy định, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị N; về quan hệ hôn nhân: cho bà N ly hôn với ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: bà Đỗ Thị N yêu cầu xin ly hôn với ông Ngô Mạnh H hiện cư trú tại tổ 74, khu 7, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Mạnh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự; nguyên đơn bà Đỗ Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Ngô Mạnh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà Đỗ Thị N và ông Ngô Mạnh H đã tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1981 nhưng không đăng ký kết hôn, phù hợp với nội dung Văn bản số 299/UBND ngày 02/5/2024 của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Cẩm Phả. Bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông H, theo tinh thần điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001, bà N và ông H chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 là hôn nhân thực tế và hợp pháp. Sau khi cưới nhau, bà N và ông H chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất, dẫn đến

thường xuyên cãi vã, xô xát. Ông, bà đã quyết định ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, không tìm cách hàn gắn tình cảm và không tìm ra được giải pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng; ông, bà đã không còn sống chung với nhau từ thời điểm đó cho đến nay, phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: bà N và ông H chung sống với nhau từ năm 1981, có sự chứng kiến của gia đình và chính quyền địa phương; ông, bà chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do không hoà hợp về quan điểm sống dẫn đến có những bất đồng xảy ra; bà N đã đi nơi khác sinh sống, không chung sống với ông H khoảng vài năm nay.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa bà N, ông H được.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà N, ông H là trầm trọng; ông, bà sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn sự yêu thương và quan tâm dành cho nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân ông H khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án không đến để tham gia tố tụng, thể hiện ông H không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên bà N xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị N đối với ông Ngô Mạnh H.

Về con chung: bà Đỗ Thị N và ông Ngô Mạnh H có 02 con chung là Ngô Thị Hồng Y, sinh ngày xx/x/xxxx và Ngô Văn P, sinh ngày xx/x/xxxx (đều đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung: bà Đỗ Thị N và ông Ngô Mạnh H tự thỏa thuận về tài sản chung; vay nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: bà Đỗ Thị N là người cao tuổi và có đơn đề nghị được miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Đỗ Thị N, cho ly hôn giữa bà Đỗ Thị N và ông Ngô Mạnh H.

2. Về con chung: bà Đỗ Thị N và ông Ngô Mạnh H có 02 con chung là Ngô Thị Hồng Y, sinh ngày xx/x/xxxx và Ngô Văn P, sinh ngày xx/x/xxxx (đều đã

trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần), nên Toà án không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: bà Đỗ Thị N và ông Ngô Mạnh H tự thoả thuận về tài sản chung; vay nợ chung không có, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm đối với bà Đỗ Thị N.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thu Đông

